

Số: **03** /2013/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **09** tháng **01** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 42/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24/01/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 1701/TTr-SNV ngày 10/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các hội, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; các đơn vị Trung ương, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng TD-KT Trung ương;
- Ban TD-KT Trung ương;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các P.Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Đảng ủy khối;
- Các Ban Đảng T/ủy, các Ban HĐND tỉnh;
- Chánh, phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Các cơ quan thông tin đại chúng;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03./2013/QĐ-UBND ngày 09/01/2013
của UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng; trách nhiệm quản lý nhà nước và thẩm quyền quyết định khen thưởng của thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; các hội, đoàn thể cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp; các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; các đơn vị ngành dọc của Trung ương, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương); quy định chi tiết về hồ sơ thủ tục khen thưởng, tổ chức trao thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua; quy định công tác khen thưởng; quỹ thi đua khen thưởng; xử lý hành vi vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân công tác trong các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu tại Điều 1 Quy chế này; nhân dân trong và ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài đang công tác tại tỉnh Đồng Nai tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, đạt được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

1. Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết hợp tác và cùng phát triển.
2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào: phong trào thi đua; đăng ký thi đua (mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua, không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua); thành tích thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; bảo đảm thống nhất giữa tính chất,

hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

2. Khen thưởng phải đảm bảo thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, không nhất thiết phải khen theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng ở mức cao hơn; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn.

3. Khen thưởng tập thể nhỏ cá nhân là chính. Quan tâm khen thưởng cá nhân là người lao động sản xuất, công tác, hộ gia đình, đơn vị cơ sở; khen thưởng các tổ chức, cá nhân ngoài khu vực nhà nước; khen thưởng gương người tốt việc tốt, hành động dũng cảm cứu người cứu tài sản; cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức công tác vùng sâu, vùng xa; các lĩnh vực trọng tâm, trọng yếu, khó khăn, độc hại, nguy hiểm; cá nhân, tập thể từ yếu kém vươn lên. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, xem xét quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cấp dưới trực tiếp, không nhất thiết phải chờ cấp dưới đề nghị mới khen thưởng.

4. Việc tổ chức hội thi, hội diễn, đề ra các giải thưởng và tôn vinh các điển hình tiên tiến có liên quan đến khen thưởng cấp tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và phải được đăng ký với UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ).

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Là phong trào thi đua toàn diện thực hiện nhiệm vụ đề ra hàng năm, được tổ chức thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, chương trình công tác, mục tiêu, chỉ tiêu được giao hoặc đề ra của mỗi tập thể, cá nhân. Đối tượng của thi đua thường xuyên là giữa các cá nhân trong một tập thể, giữa các tập thể trong cùng một đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau.

Thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được tổ chức theo cụm, khối thi đua để ký kết, thực hiện giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương phát động phong trào thi đua tiên hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua trên cơ sở xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng tập thể và cá nhân.

2. Thi đua theo đợt (hoặc thi đua theo chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mà nội dung có tính chất chuyên môn, ngành nghề được thực hiện những công việc khó khăn, những việc còn yếu kém. Thi đua theo đợt (hoặc thi đua theo

chuyên đề) được phát động khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian.

Điều 6. Nội dung và phương pháp tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, đơn vị, để đề ra các nội dung thi đua, chỉ tiêu thi đua cụ thể, đảm bảo tính khoa học, tính khả thi và đúng pháp luật quy định.

2. Xác định chỉ tiêu và thời gian thi đua phải trên cơ sở chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao. Chỉ tiêu phấn đấu phải cao hơn, thời hạn hoàn thành phải đúng tiến độ hoặc sớm hơn.

3. Xác định biện pháp và kế hoạch tổ chức phối hợp giữa các cấp chính quyền, tổ chức Mặt trận, đoàn thể chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền mục đích ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua đảm bảo thiết thực, hiệu quả; chống phô trương hình thức trong thi đua.

4. Tổ chức phát động, đăng ký và ký kết giao ước thi đua giữa tập thể với tập thể, giữa cá nhân với cá nhân, gia đình với gia đình... trong từng địa phương, đơn vị. Tổ chức chỉ đạo xây dựng điển hình và nhân rộng điển hình tiên tiến.

5. Sơ kết (đối với đợt thi đua dài ngày), tổng kết đánh giá kết quả, đúc kết kinh nghiệm và phổ biến những kinh nghiệm hay, những nhân tố mới, mô hình mới, cách làm hay; lựa chọn và công khai biểu dương khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Điều 7. Trách nhiệm, quyền hạn tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua; tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến; khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp các cấp để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và của tỉnh. Chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng; tổ chức truyền truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị các cấp trong tỉnh, các tổ chức thành viên Mặt trận, trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng, kiến nghị bổ sung sửa đổi những bất hợp lý liên quan đến công tác thi đua khen thưởng.

Phối hợp với các cơ quan nhà nước phát động thi đua và tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt nội dung thi đua của tỉnh và của tổ chức mình.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt. Đồng thời phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, trách nhiệm cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh: Do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập. Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương. Tham mưu, tư vấn cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh theo chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước (chương trình hành động 05 năm, chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch hàng năm về công tác thi đua, khen thưởng, phát động các phong trào thi đua, xét duyệt khen thưởng và những kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng). Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước do Chính phủ, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Chủ tịch UBND tỉnh phát động; xây dựng điển hình tiên tiến các cấp, chỉ đạo điểm công tác thi đua, khen thưởng.

Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số, các trường hợp đề nghị phong tặng danh hiệu Chiến sỹ Thi đua toàn quốc, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng Vũ trang phải có số phiếu đồng ý của thành viên hội đồng từ 90% trở lên. Các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp nhà nước còn lại phải có số phiếu đồng ý từ 70% trở lên.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên cơ sở và cấp cơ sở: Do Chủ tịch UBND huyện cùng cấp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thành lập. Căn cứ tình hình thực tiễn, Thủ trưởng quy định số lượng thành viên hội đồng; trong đó Thủ trưởng là Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch là đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức công đoàn; các thành viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, đơn vị, địa phương. Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên trực tiếp. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tương tự như Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trong phạm vi quản lý của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ tham mưu Sở Nội vụ giúp UBND tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

b) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua trong toàn quốc của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ vào chỉ thị, nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của tỉnh; giúp Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp

thi đua nhằm hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong 05 năm và hàng năm của tỉnh.

c) Giúp Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh và các cơ quan thông tin đại chúng phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng các điển hình tiên tiến; hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động cụm, khối thi đua và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đăng ký thi đua của các cấp, các ngành, các đơn vị, cá nhân trong tỉnh.

d) Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; thẩm định thành tích, trực tiếp trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng theo quy định.

e) Thực hiện công tác thanh tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh quan hệ phối hợp chặt chẽ với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng do Giám đốc Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân: Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Lao động tiên tiến; Chiến sĩ tiên tiến (đối với Lực lượng vũ trang nhân dân).

2. Đối với tập thể: Cờ thi đua xuất sắc, Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể Lao động tiên tiến; Đơn vị Quyết thắng và Đơn vị tiên tiến (đối với Lực lượng vũ trang nhân dân); Thôn, ấp, bản, khu phố văn hoá.

3. Đối với hộ gia đình: Gia đình văn hoá.

Điều 10. Danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến

1. Danh hiệu Lao động tiên tiến được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động làm việc trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội các cấp; người lao động trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và xã viên trực tiếp lao động sản xuất trong các hợp tác xã đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao; có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ; tích cực tham gia các phong trào thi đua;

b) Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ. Cá nhân đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới một năm, đạt kết quả từ loại khá trở lên (nếu có xếp loại), chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với đánh giá thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp tương đương danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua và

hình thức khen thưởng khác. Trường hợp cơ sở đào tạo, bồi dưỡng không có xếp loại thì xin ý kiến nhận xét đánh giá của trường kèm theo bảng điểm thi hết môn.

d) Có đạo đức lối sống lành mạnh.

e) Có thời gian công tác 10 tháng trở lên và tổng số ngày nghỉ trong năm không quá 40 ngày (trừ ngày lễ, ngày nghỉ tuần, nghỉ tết, nghỉ phép năm, nghỉ thai sản; điều trị, điều dưỡng thương tích do có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, sản xuất, công tác theo kết luận của cơ quan y tế).

2. Danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

3. Không xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến cho các trường hợp: Không đăng ký thi đua, mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị xử phạt hành chính; bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

4. Đối với cá nhân chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (đối với các trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên).

5. Số lượng Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến trong một tập thể được bình chọn phải tương xứng, phù hợp với mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thành tích của tập thể đó trong năm: Từ 70% trở lên đối với tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, từ 50% đến dưới 70% đối với tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, dưới 50% đối với tập thể hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 11. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

Được xét tặng hàng năm cho cá nhân được nêu tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 10 của Quy chế này, đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Là cá nhân tiêu biểu trong số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hoặc Chiến sĩ tiên tiến trong năm. Số cá nhân được bình xét Chiến sĩ thi đua cơ sở tối đa không quá 30% số cá nhân đạt Lao động tiên tiến. Đối với tập thể tương đương với sở, ban, ngành có số lượng từ 10 lao động trở xuống thì tối đa không quá 60%.

2. Có sáng kiến, cải tiến, giải pháp mới, kỹ thuật mới hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc được Hội đồng xét duyệt sáng kiến đơn vị cơ sở xét duyệt công nhận (Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện và tương đương có thẩm quyền công nhận chiến sĩ thi đua cơ sở quyết định thành lập); mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Điều 12. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

Được xét tặng hàng năm cho không quá 30% cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và có sáng kiến, cải tiến, giải pháp mới hoặc áp dụng công nghệ mới nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi của tỉnh trở lên, được Hội đồng khoa học sáng kiến của tỉnh và tương đương thẩm định, quyết định công nhận.

Hội đồng khoa học sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập.

Điều 13. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc

Thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 14. Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến

1. Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao trong năm;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến đồng thời không có cá nhân nào trong tập thể bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Danh hiệu Đơn vị tiên tiến được xét tặng hàng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 15. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng

1. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số tập thể được công nhận tập thể Lao động tiên tiến đạt được các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;
- c) Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở đồng thời không có cá nhân nào trong tập thể bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

2. Số lượng tập thể nhỏ (phòng, ban thuộc sở và tương đương) được bình chọn Tập thể Lao động xuất sắc không quá 30% Tập thể Lao động tiên tiến.

3. Danh hiệu Đơn vị quyết thắng được xét tặng hàng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 16. Danh hiệu Gia đình văn hoá

1. Danh hiệu Gia đình văn hóa được xét công nhận hàng năm cho gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thời gian sinh sống, cư trú 12 tháng trở lên trên địa bàn dân cư.
- b) Gương mẫu chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú.
- c) Gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, không có bạo lực trong gia đình. Đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng. Không sinh con thứ ba trở lên (trừ trường hợp pháp luật cho phép). Các thành viên trong gia đình có nếp sống lành mạnh.

d) Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh lành mạnh, đúng pháp luật; Các con trong gia đình ở độ tuổi đi học đều được đến trường, chăm ngoan, học tập đạt học sinh tiên tiến.

2. Gia đình văn hóa tiêu biểu được xét chọn trong số gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

Điều 17. Danh hiệu Thôn, ấp, bản, khu phố văn hoá

Được xét công nhận hàng năm cho các thôn, ấp, bản, khu phố, đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đời sống kinh tế nhân dân ổn định và từng bước phát triển, không còn hộ đói; hộ nghèo năm sau giảm hơn năm trước.

2. Đời sống văn hoá tinh thần lành mạnh, môi trường cảnh quan văn minh sạch đẹp, không bị ô nhiễm.

3. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Trong năm không có người bị pháp luật truy tố; không có người hành nghề mê tín dị đoan; không có người buôn bán, người nghiện ma tuý sống trong cộng đồng, không có tổ chức hoạt động mại dâm.

4. Chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Không có người sinh con thứ 3 trở lên (trừ các trường hợp pháp luật cho phép).

5. Có tinh thần đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.

Điều 18. Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh

1. Được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Được xét tặng hàng năm cho đơn vị dẫn đầu cụm thi đua của tỉnh.

3. Được xét tặng hàng năm cho các đơn vị dẫn đầu khối thi đua thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh; dẫn đầu khối thi đua của ngành Giáo dục và Đào tạo thuộc các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; dẫn đầu phong trào thi đua xã (phường, thị trấn) của huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; các phòng, ban chuyên môn thuộc cấp huyện, dẫn đầu các phòng, ban chuyên môn (ngành, lĩnh vực) toàn tỉnh.

Giao Sở Nội vụ hướng dẫn cụ thể việc phân bổ số lượng Cờ thi đua xuất sắc hàng năm cho các cụm thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 19. Cờ thi đua của Chính phủ

Thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 20. Giấy khen

Giấy khen để tặng cho tập thể, cá nhân của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 74, 75 và 76 của Luật Thi đua, Khen thưởng

1. Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân có thành tích theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 75 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích cao trong các đợt thi đua thực hiện tốt các chương trình mục tiêu, chỉ thị, nghị quyết... khi sơ kết, tổng kết một lĩnh vực công tác hoặc đợt thi đua được phát động.

3. Tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt; có thành tích cao trong hội thi, hội thao, hội diễn; cho tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị.

Điều 21. Bằng khen của UBND tỉnh

Tặng thưởng cho các đối tượng sau:

1. Tập thể, cá nhân có thành tích mưu trí dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt;

2. Tập thể, cá nhân đạt giải cao trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn... cụ thể như sau:

a) Đạt các thứ hạng Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng (cấp Quốc tế, Châu lục, Khu vực Châu lục);

b) Đạt các thứ hạng Nhất, Nhì, Ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng (cấp Quốc gia, khu vực liên tỉnh);

c) Đạt các thứ hạng Nhất, Nhì hoặc Huy chương Vàng, Bạc (cấp tỉnh).

3. Đơn vị xếp hạng kế tiếp các đơn vị dẫn đầu các cụm thi đua thuộc tỉnh, được bình chọn của cụm, đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, Khen thưởng. (Giao Sở Nội vụ có hướng dẫn cụ thể).

4. Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc trong việc thực hiện các phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề.

5. Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, Khen thưởng. Các tập thể được xét tặng Bằng khen UBND tỉnh không quá 60% tổng số tập thể hai lần liên tục được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và không quá 30% tổng số cá nhân hai lần liên tục được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 22. Bức trướng của UBND tỉnh Đồng Nai

Tặng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên, tiến bộ, phát triển, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, nội bộ đoàn kết. Xét tặng thưởng ở từng giai đoạn 05 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm... (năm tròn, chẵn) và các đơn vị nhân dịp đón nhận danh hiệu Anh hùng.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG, HỒ SƠ THỦ TỤC, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 23. Thẩm quyền quyết định khen thưởng, đề nghị khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng thưởng: Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh, Bằng khen của UBND tỉnh, công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng, xã (phường, thị trấn) xuất sắc, các công trình sản phẩm mới. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch

nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng. Ủy quyền Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hiệp y đề nghị Bộ, ngành Trung ương quyết định khen thưởng.

2. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh và tương đương quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở. Đề nghị cấp trên khen thưởng Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc trở lên.

Thủ trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và các hình thức khen thưởng khác theo thẩm quyền được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh và các đoàn thể của tỉnh thực hiện theo thẩm quyền quy định của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Trung ương.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, quyết định tặng thưởng Giấy khen; công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Thôn, ấp, bản, khu phố văn hóa, Chiến sĩ thi đua cơ sở, các công trình sản phẩm mới. Đề nghị cấp trên khen thưởng Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc trở lên.

4. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận Gia đình văn hoá, Gia đình văn hoá tiêu biểu. Đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của cấp trên.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp, Chủ nhiệm các Hợp tác xã, Hiệu trưởng các trường học trong hệ thống giáo dục quốc gia quyết định tặng Giấy khen và đề nghị cấp trên có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

6. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác do Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương quy định, thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước, trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến, gồm các đối tượng, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng như sau:

a) Khen thưởng cho các trường hợp cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

b) Các hình thức khen thưởng: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Thầy thuốc Nhân dân”, “Nghệ sĩ Nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” cho tất cả các đối tượng.

c) Các hình thức khen thưởng khác thực hiện theo quy định tại các văn bản có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quyết định khen thưởng do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm tra, xét duyệt trình UBND tỉnh quyết định khen thưởng.

3. Khi xét tặng các danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Tập thể Lao động tiên tiến” cho các đơn vị, cán bộ chuyên trách các đơn vị thuộc Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh do Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định xét tặng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các ngành, địa phương chịu trách nhiệm thẩm tra xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền UBND các địa phương, thủ trưởng các ngành quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 25. Hồ sơ thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thực hiện theo các quy định của Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; các thủ tục hành chính về lĩnh vực thi đua, khen thưởng của UBND tỉnh đã ban hành.

2. Hồ sơ, thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của UBND tỉnh gồm:

- Tờ trình;
- Biên bản họp xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;
- Báo cáo thành tích của đối tượng đề nghị khen thưởng;
- Danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.
- Giấy chứng nhận, xác nhận, hiệp y đề nghị khen thưởng có liên quan, các mẫu báo cáo thành tích, số lượng hồ sơ, theo quy định tại thủ tục hành chính về lĩnh vực thi đua, khen thưởng của UBND tỉnh đã ban hành.

Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể phù hợp với quy trình cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.

Điều 26. Quy định về tuyển trình

1. Cấp nào quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ, quỹ lương hoặc có thẩm quyền quyết định thành lập, cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng cho đối tượng thuộc phạm vi mình quản lý. Trường hợp sở, ban, ngành của tỉnh đề nghị khen thưởng thành tích hàng năm đối với các phòng ban đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp huyện phải có hiệp y, thống nhất của các sở, ban, ngành có liên quan và không đề nghị khen thưởng trùng lặp.

2. Các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh (những đơn vị nêu trên do tỉnh quyết định thành lập, cổ phần hóa hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) căn cứ quy mô và tình hình thực tế Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho sở, ban, ngành hoặc Chủ tịch Ủy

ban nhân dân cấp huyện khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Các trường hợp tổ chức, cá nhân ngoài ngành, ngoài địa phương, ngoài tỉnh có thành tích hoặc có nhiều đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch UBND các địa phương, Thủ trưởng các ngành của tỉnh khen thưởng là chính, hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc hoặc đóng góp to lớn mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định khen thưởng.

4. Ngành, địa phương nào được UBND tỉnh giao chủ trì phát động thi đua theo chuyên đề, ngành đó, địa phương đó chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh đề hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải xét chọn trong số tập thể, cá nhân trực tiếp có thành tích thật sự tiêu biểu trong toàn tỉnh và phải được thông qua Trưởng ban Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức thực hiện chuyên đề đó.

5. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm... trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị).

6. Việc lấy ý kiến hiệp ý đề nghị khen thưởng của các ngành trong tỉnh đối với các trường hợp khen thưởng tập thể các phòng, ban và cá nhân cấp trưởng phòng, ban của các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan khác có liên quan do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện. Khi có văn bản gửi đến để lấy ý kiến hiệp ý, sau 07 ngày làm việc (tính theo dấu bưu điện hoặc ký nhận công văn) các cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời. Nếu quá thời hạn xin hiệp ý theo quy định, cơ quan được xin ý kiến hiệp ý không có văn bản phúc đáp, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh làm thủ tục trình cấp trên xử lý.

Điều 27. Thời gian trình và xử lý hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị UBND tỉnh khen thưởng hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm sau; khen thưởng các đơn vị dẫn đầu cụm, khôi thi đua trên địa bàn tỉnh chậm nhất là ngày 01 tháng 02 năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 8 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (khen thưởng chuyên đề) gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 15 ngày.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 30 tháng 01 năm sau.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm xử lý hồ sơ đề nghị khen thưởng, trình UBND tỉnh quyết định khen thưởng, viết bằng, giấy chứng nhận trong phạm vi không quá 15 ngày làm việc, trường hợp có lấy ý kiến hiệp ý của các cơ quan liên quan cũng không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 28. Nghi thức tổ chức trao tặng và đón nhận, thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ và theo quy định tại Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 22/7/2010 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước, đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tạo sự phấn khởi, khơi dậy lòng tự hào, tạo khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

Không tổ chức đón rước các hình thức khen thưởng từ cấp này, địa điểm này đến cấp khác, địa điểm khác. Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất (trường hợp cần thiết phải được sự đồng ý của UBND tỉnh).

Nếu có nhiều trường hợp được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận chung trong một buổi lễ; nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của địa phương, đơn vị, ngày lễ lớn của đất nước thì tổ chức trao tặng kết hợp trong buổi lễ kỷ niệm. Các trường hợp khen thưởng đột xuất bằng khen UBND tỉnh, khen thưởng cấp nhà nước, giao Ban Thi đua - Khen thưởng phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp.

Điều 29. Thông báo kết quả khen thưởng

a) Các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng và đã được cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết.

b) Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời gian 05 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đồng ý với cơ quan thẩm định), cơ quan thẩm định phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị trình khen thưởng biết.

Điều 30. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận các đối tượng được khen thưởng khi có yêu cầu.

Điều 31. Cấp đổi hiện vật khen thưởng

Cấp nào có thẩm quyền quyết định hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua kèm theo hiện vật, thì cấp đó có trách nhiệm cấp đổi hiện vật khen thưởng. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện cấp đổi hiện vật đối với các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cấp tỉnh; đề nghị Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương cấp đổi hiện vật đối với các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cấp Nhà nước.

Chương V
QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN,
TẬP THỂ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Điều 32. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan đơn vị, địa phương phát động. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật. Có quyền góp ý đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tập thể được công nhận các danh hiệu thi đua và được khen thưởng các hình thức khen thưởng được nhận giấy chứng nhận, khung, bằng, hiện vật, tiền thưởng hoặc vật phẩm lưu niệm kèm theo và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 33. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, quy chế, quy định của cơ quan đơn vị, địa phương trong công tác thi đua, khen thưởng. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng. Từ chối danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận bằng, hiện vật khen thưởng trao tặng cho các tập thể, cá nhân được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

Chương VI
QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG
VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 34. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua của các địa phương, đơn vị được trích lập như sau:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được trích lập theo Khoản 2, Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và tổ chức chính trị - xã hội được cấp từ nguồn ngân

sách Nhà nước (căn cứ tính chất hoạt động của từng tổ chức và khả năng nguồn ngân sách của tỉnh, các đơn vị xây dựng dự kiến số trích Quỹ thi đua, khen thưởng và tổng hợp cùng bảng dự kiến phân bổ dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định để thống nhất mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng hàng năm) và từ nguồn đóng góp khác của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, các nguồn thu hợp pháp khác.

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện theo Khoản 4 Điều 67 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính.

d) Quỹ thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: thực hiện theo Khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính.

e) Quỹ thi đua, khen thưởng của các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng... và trong các lĩnh vực khác thực hiện theo Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính.

2. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

a) Chi thưởng theo các quyết định khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

b) Chi nghiệp vụ gồm: In giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm khung bằng, thêu cờ, trướng, làm hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng.

c) Chi công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho các nhiệm vụ sau:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;
- Chi xây dựng, tổ chức triển khai phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

- Chi phát động các phong trào thi đua, theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng;

- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua.

3. Mức chi: Mức chi thực hiện theo quy định chế độ tài chính hiện hành.

4. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

a) Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho Sở Nội vụ ủy quyền cho Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh quản lý; quỹ thi đua khen thưởng của cấp huyện, UBND cấp huyện ủy quyền cho Phòng Nội vụ quản lý;

quỹ thi đua khen thưởng của ngành, đơn vị do Thủ trưởng đơn vị quản lý; quỹ thi đua khen thưởng của cấp xã do UBND cấp xã quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Số dư cuối năm được chuyển cho năm sau.

b) Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng đồng thời chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng do cấp mình quản lý.

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua ở cùng một cấp quyết định kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Ví dụ 1: Năm 2009, ông Nguyễn Văn A được công nhận là “Lao động tiên tiến”, sau đó được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” năm 2009, thì chỉ được nhận tiền thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

Ví dụ 2: Năm 2009, Tập thể B được công nhận là “Tập thể Lao động xuất sắc”, sau đó được công nhận danh hiệu “Cờ Thi đua xuất sắc” năm 2009, thì chỉ được nhận tiền thưởng danh hiệu “Cờ Thi đua xuất sắc”.

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

e) Trong cùng thời điểm một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

g) Cá nhân, tổ chức có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, tập thể người nước ngoài được khen thưởng có thể kèm theo tặng phẩm lưu niệm thay thế tiền thưởng.

h) Khen thưởng các chương trình mục tiêu, các hội thi được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, hội thi trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu, hội thi không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 35. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Tiền thưởng kèm theo bằng khen của UBND tỉnh cho Doanh nghiệp xuất sắc, Doanh nhân xuất sắc; khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên tham gia thi đấu lập thành tích ở các giải trong nước và quốc tế; khen thưởng đối với tác giả, nhóm tác giả và cơ quan báo chí có thành tích tuyên truyền, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Đồng Nai; khen thưởng cho tác giả có tác phẩm đạt giải cấp tỉnh... mức tiền thưởng căn cứ theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Các trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm cứu người, bảo vệ tài sản... tùy theo thành tích đạt được và phạm vi tác dụng noi gương để quy định mức thưởng nhưng không quá 10 lần mức tiền thưởng quy định; trường hợp đặc biệt do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định mức thưởng trong khả năng quỹ khen thưởng của địa phương, đơn vị mình.

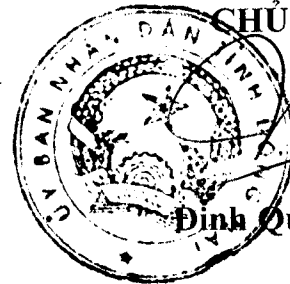
Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 36. Việc xử lý các hành vi vi phạm; khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thực hiện theo Điều 80, 81, 82, 83, 84 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Điều 37. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, các đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với quy định của pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng.

Điều 38. Ban Thi đua - Khen thưởng (cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Thái